

Bản án số: 307/2022/DS-ST
Ngày: 12 - 9 - 2022
V/v trAh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Châu Thị Lệ
- Ông Phạm Nguyễn Ah Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nga là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2022 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 364/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A

Trụ sở: đường N, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên hệ: đường B, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1979; Địa chỉ: đường H, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn. (Văn bản uỷ quyền: 15/GUQ-CNBT ngày 12 tháng 01 năm 2022)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Phú A, sinh năm 1991

Địa chỉ: đường Đ, phường M, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông T và ông A có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Ngân hàng Thương mại cổ phần A, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Thanh T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần A (viết tắt là Ngân hàng) cho ông Nguyễn Phú A vay vốn theo hợp đồng vay kèm giấy nhận nợ số LD1927000558 ký kết ngày 27/09/2019 và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 05/10/2018 (gọi tắt là hợp sử dụng thẻ đồng tín dụng), cụ thể như sau:

- Hợp đồng vay kèm giấy nhận nợ số LD1927000558 ngày 27/09/2019: Số tiền vay: 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng; Mục đích sử dụng: Tiêu dùng; Thời hạn vay: 60 tháng từ ngày 25/12/2019 đến ngày 25/12/2024; Ngày đến hạn: 27/9/2024; Lãi suất: 15.3%/ năm; Phương thức trả nợ: Vốn gốc và lãi vay trả hàng tháng, lãi tính theo dư nợ giảm dần; Hình thức cho vay: Tín chấp

- Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 05/10/2018: Căn cứ vào chính sách cấp thẻ và thu nhập của ông A, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Thẻ Visa Credit số thẻ 472075 – 3809 với hạn mức sử dụng là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông A đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 944.230.380 đồng, ông A đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 898.981.500 đồng. Do ông A vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông A vào ngày 22/10/2021 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu như sau:

- Ngân hàng yêu cầu ông A trả cho Ngân hàng toàn bộ nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 12/9/2022 là 232.659.970 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, gồm các khoản nợ như sau:

+ Đối với hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số LD1927000558 ngày 06/4/2022 có vốn gốc là 123.986.000 đồng, lãi vay trong hạn: 20.896.752 đồng và lãi quá hạn (tính trên vốn) là 5.430.241 đồng và lãi phạt chậm trả (tính trên lãi) là 1.253.668 đồng, tổng cộng là 151.566.661 đồng;

+ Đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, số thẻ 472075-3809 ngày 05/10/2018 có nợ gốc là 57.007.559 đồng và lãi quá hạn là 24.085.750 đồng, tổng cộng là 81.093.309 đồng.

- Ngoài ra, ông A còn phải chịu lãi phát sinh kể từ ngày 13/9/2022 của hai khoản nợ trên cho đến khi trả dứt nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và các phụ lục, điều khoản của hợp đồng.

2. Bị đơn – ông Nguyễn Phú A trình bày:

Ông và Ngân hàng có ký hợp đồng vay kèm giấy nhận nợ số LD1927000558 ngày 27/09/2019 và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông gặp khó khăn về tiền bạc, ông không trả được nợ cho Ngân hàng như thỏa thuận trong hợp đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Ông đồng ý trả cho Ngân hàng nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 12/9/2022 là 232.659.970 đồng.

Ông có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng nhưng gia đình ông chưa bán được nhà, ông không có điều kiện trả nợ cho Ngân hàng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng:

- Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông A trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng. Ông A cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là quA hệ trAh chấp về hợp đồng tín dụng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét, Ngân hàng yêu cầu ông A trả cho Ngân hàng toàn bộ nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số LD1927000558 ngày 06/4/2022 và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, số thẻ 472075-3809 ngày 05/10/2018 tính đến ngày 12/9/2022 là 232.659.970 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, Ngân hàng yêu cầu ông A chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13/9/2022 của hai khoản nợ trên cho đến khi trả dứt nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và các phụ lục, điều khoản của hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, ông A thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét, trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng đã tạo điều kiện cho ông A trả nợ nhưng ông A vẫn không trả nợ được. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông

A trả toàn bộ nợ gốc và nợ lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Phú A có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A toàn bộ nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 12/9/2022 là 232.659.970 (hai trăm ba mươi hai triệu sáu trăm năm mươi chín ngàn chín trăm bảy mươi) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, gồm các khoản nợ như sau:

+ Đối với hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số LD1927000558 ngày 06/4/2022 có nợ gốc là 123.986.000 đồng, lãi vay trong hạn: 20.896.752 đồng và lãi quá hạn (tính trên vốn) là 5.430.241 đồng và lãi phạt chậm trả (tính trên lãi) là 1.253.668 đồng, tổng cộng là 151.566.661 đồng;

+ Đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, số thẻ 472075-3809 ngày 05/10/2018 có nợ gốc là 57.007.559 đồng và lãi quá hạn là 24.085.750 đồng, tổng cộng là 81.093.309 đồng.

- Ngoài ra, ông A còn phải chịu lãi phát sinh kể từ ngày 13/9/2022 của hai khoản nợ nêu trên cho đến khi trả dứt nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và các phụ lục, điều khoản của hợp đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng Thương mại cổ phần A được nhận lại số tiền tạm nộp án phí khi khởi kiện là 4.961.928 (Bốn triệu chín trăm sáu mươi một ngàn chín trăm hai

mười tám) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0047714 ngày 21/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Ông Nguyễn Phú A phải nộp tiền án phí là 11.632.998 (Mười một triệu sáu trăm ba mươi hai ngàn chín trăm chín mươi tám) đồng.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Hồng Đào

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Hồng Đào

